

Bản án số: **241/2021/HS-ST**
Ngày: 19/8/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lò Thị Cải**

2. Ông **Nguyễn Quang Khải**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Đức Thái** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 222/2021/TL-HSST ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2021/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 8 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ly Thị M**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1977, tại Điện Biên; Nơi cư trú: Bản H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá (học vấn): Không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ly Cháy M (Đã chết); Con bà: Và Thị Kh; Chồng: Và A X (Tên gọi khác: Và Bùa X); Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/4/2021 cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Bà **Bùi Thúy A** - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ (Có mặt).

*** Người phiên dịch cho bị cáo:** Anh **Vừ A Ch** - Sinh năm: 1997; Địa chỉ: Bản Ch, xã Q, huyện M (Có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Bùi Hải B** - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật: Ông **Chu Văn B** - Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

** Nguyên đơn dân sự:*

1. Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lò Văn L** - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật: Ông **Lường Văn Kh** - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Ủy ban nhân dân xã Pom Lót, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Ngọc H** - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật: Ông **Lò Văn V** - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

** Người có nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị **Sùng Thị Nh** - Sinh năm: 1995; Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Chị **Và Thị Kh** - Sinh năm: 1987; Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

3. Ông **Hà Văn N** - Kiểm lâm địa bàn Ủy ban nhân dân xã P (nay là Kiểm lâm địa bàn xã P), huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

4. Ông **Phạm Anh D** - Kiểm lâm địa bàn Ủy ban nhân dân xã P (nay là Kiểm lâm địa bàn xã P), huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

** Người làm chứng:* Ông **Sinh A L** - Trưởng bản H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 15/12/2020 Ly Thị M một mình mang theo một con dao quắm dài 89cm, phần lưỡi dao dài 28cm, phần chuôi dao dài 10,5cm, phần cán gỗ dài 50,5cm đi đến khu vực rừng P thuộc địa phận bản N, xã P và bản P, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên đã được Nhà nước quy hoạch là rừng sản xuất theo Quyết định 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân

dân tỉnh Điện Biên để chặt phá cây rừng, mục đích lấy đất canh tác làm nương trồng lúa. Ly Thị M một mình dùng dao quắm đã mang theo chặt phát các loại cây gỗ, tre nứa và cây bụi đến tối ngày 16/12/2020 M đi về nhà, sau đó M đã nhờ Sùng Thị Nh, sinh năm 1995 trú tại bản H, xã N, huyện Đ (là con dâu của M) và Và Thị Kh, sinh năm 1987 trú tại bản N, xã N, huyện Đ (là em chồng của M) đi giúp M chặt phát rừng. Hồi 08 giờ ngày 17/12/2020 khi M, Nh và Kh đang dùng dao chặt phá rừng thì bị Tổ công tác của Ủy ban nhân dân xã Pom Lót, huyện Điện Biên phát hiện. Ngày 22/12/2020 Hạt kiểm lâm huyện Điện Biên phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định diện tích rừng do Ly Thị M chặt phá là 6.523 m² rừng sản xuất trong đó có 1.461 m² thuộc tiểu khu 747, khoảnh 1 thuộc bản N, xã P và 5.062 m² tiểu khu 745, khoảnh 9 thuộc bản P, xã P, huyện Điện Biên, tổng giá trị thiệt hại là: **39.656.800 đồng** (*Ba mươi chín triệu, sáu trăm lăm sáu nghìn, tám trăm đồng*).

Trong quá trình điều tra nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng xử lý hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định của pháp luật; bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: "**Hủy hoại rừng**" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 01/KL-ĐG ngày 15/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Điện Biên xác định (BL số 61): Đối với diện tích rừng bị chặt phá tại tiểu khu 747, khoảnh 1 thuộc bản N, xã P do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ quản lý giá trị thiệt hại: 8.854.100 đồng; Đối với diện tích rừng bị chặt phá tại tiểu khu 745, khoảnh 9 thuộc bản P, xã P do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ quản lý giá trị thiệt hại: 30.802.700 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là: **39.656.800 đồng** (*Ba mươi chín triệu, sáu trăm lăm sáu nghìn, tám trăm đồng*). Về thiệt hại môi trường Hội đồng định giá không có đủ cơ sở để xác định về thiệt hại môi trường.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá trên của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Điện Biên.

Về vật chứng của vụ án: Ngày 29/6/2021 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên đã chuyển vật chứng của vụ án sang cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên gồm: Một con dao quắm phần thép và phần gỗ dài 89 cm; phần lưỡi dao dài 28cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 6cm, phần chuôi dao dài 10,5cm, phần rộng nhất của chuôi dao có đường kính 4cm, mũi quắm của dao dài 4cm, phần cán gỗ dài 50,5 cm, đường kính chỗ to nhất của cán gỗ là 3,9cm (Dao đã qua sử dụng) là vật chứng của vụ án.

Bản cáo trạng số: 166/CT-VKS-HĐB ngày 28/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Ly Thị M về tội: "**Hủy hoại rừng**" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, Điều 92 Luật thi hành án hình sự xử phạt bị cáo Ly Thị M với mức hình phạt từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng về tội Hủy hoại rừng. Giao bị cáo cho UBND xã Na U, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giám sát giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 586, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Ly Thị M phải bồi thường cho Nhà nước số tiền: **34.656.800 đồng**.

* Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm phần thép và phần gỗ dài 89 cm; phần lưỡi dao dài 28cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 6cm, phần chuôi dao dài 10,5cm, phần rộng nhất của chuôi dao có đường kính 4cm, mũi quắm của dao dài 4cm, phần cán gỗ dài 50,5 cm, đường kính chỗ to nhất của cán gỗ là 3,9cm (Dao đã qua sử dụng).

* Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Tại luận cứ bào chữa cho bị cáo Ly Thị M ngày 19/8/2021 bà Bùi Thúy A đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số: 02/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao xem xét đến nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo M vì bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, hành vi của bị cáo có khả năng tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội để xem xét mức hình phạt là mức thấp nhất của Viện kiểm sát đề nghị và cho bị cáo được hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại là 34.656.800 đồng cho Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và bản luận tội của Kiểm sát viên; Bị cáo không bổ sung lời bào chữa.

Thực hiện lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận từ ngày 15/12/2020 đến ngày 17/12/2020 tại khu rừng đã được Nhà nước quy hoạch là rừng sản xuất thuộc tiểu khu 747, khoảnh 1 thuộc bản N, xã P và tiểu khu 745, khoảnh 9 thuộc bản P, xã P, huyện Đ, Ly Thị M đã có hành vi dùng dao quảm chặt phá 6.523 m² rừng sản xuất, trạng thái rừng hỗn giao tre nứa - Gõ núi đất do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ và Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ quản lý, bảo vệ tổng giá trị thiệt hại là 39.656.800 đồng với mục đích để lấy đất làm nương.

Vì vậy hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự quy định: "*Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

...

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²);"

Hành vi trên của Ly Thị M được chứng minh tại: Biên bản đo đếm diện tích, biên bản làm việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản tính toán trữ lượng rừng bị thiệt hại, kết luận định giá, sơ đồ hiện trường, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, bản tự khai của bị can và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra tiến hành thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Ly Thị M là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích trên, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên truy tố bị cáo Ly Thị M về tội: "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi dùng dao quảm chặt, phá rừng của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, bởi nó đã trực tiếp xâm

phạm đến chế độ quản lý, bảo vệ môi trường, chế độ bảo vệ và phát triển rừng (tài nguyên rừng), gây thiệt hại rất lớn đến môi trường sinh thái, làm gia tăng các biến đổi khí hậu do tác hại của việc hủy hoại rừng gây ra và xâm phạm đến tài sản của Nhà nước. Vì vậy, việc truy tố, xét xử và áp dụng mức hình phạt thỏa đáng đối với bị cáo là cần thiết, có như vậy mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, không có tiền án, tiền sự. Nguyên nhân dẫn đến phạm tội là do bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật, muốn có đất để làm nương nên đã chặt phá rừng. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại khắc phục một phần hậu quả (bị cáo đã bồi thường được 5.000.000 đồng), bố chồng bị cáo là Và Hua L được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, bản thân không được đi học nên không biết chữ, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, đồng thời giao bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án, đó cũng là thể hiện sự khoan hồng của Đảng, pháp luật của Nhà nước ta đối với người phạm tội và phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Điện Biên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, luật sư bào chữa cho bị cáo, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và nguyên đơn dân sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Về vấn đề dân sự trong vụ án hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 589 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Ly Thị M phải bồi thường cho Nhà nước số tiền: 39.656.800 đồng, đã bồi thường được 5.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp 34.656.800 đồng. Đối với thiệt hại về môi trường, Hội đồng định giá tài sản không có đủ cơ sở

để xác định về thiệt hại môi trường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm phần thép và phần gỗ dài 89 cm; phần lưỡi dao dài 28cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 6cm, phần chuôi dao dài 10,5cm, phần rộng nhất của chuôi dao có đường kính 4cm, mũi quắm của dao dài 4cm, phần cán gỗ dài 50,5 cm, đường kính chỗ to nhất của cán gỗ là 3,9cm (Dao đã qua sử dụng) là vật chứng của vụ án.

[6] Đối với Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ; Hà Văn N và Phạm Ánh D là cán bộ kiểm lâm Hạt kiểm lâm huyện Đ, được giao quản lý, bảo vệ rừng đã để xảy ra việc Ly Thị M chặt phá rừng trái pháp luật và để người dân làm cháy toàn bộ hiện trường vụ án. Quá trình điều tra xét thấy Ủy ban nhân dân xã P, Ủy ban nhân dân xã P và những cá nhân liên quan đã thực hiện hết chức trách nhiệm vụ được giao. Đối với Sùng Thị Nh và Và Thị Kh là người được Ly Thị M nhờ đi chặt phát rừng. Nh và Kh không biết diện tích rừng đó đã được quy hoạch là rừng sản xuất mà chỉ biết đó là nương của Ly Thị M. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý đối với những người này.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thu nhập từ nghề làm ruộng thấp, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm nhưng do bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm. Vì vậy, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Ly Thị M phạm tội: "Hủy hoại rừng".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Ly Thị M **01 (Một) năm tù cho hưởng án treo**, thời gian thử thách là **02 (Hai) năm**, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/8/2021).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Na U, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm dài 83cm, phần thép dao dài 38cm, phần cán gỗ dài 45cm, phần lưỡi thép của dao rộng nhất 5cm, đường kính to nhất phần chuôi gỗ 04cm là vật chứng của vụ án.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/6/2021 giữa Công an huyện Điện Biên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Ly Thị M phải có trách nhiệm bồi thường cho Nhà nước số tiền là: 39.656.800 đồng (*Ba mươi chín triệu, sáu trăm lăm sáu nghìn, tám trăm đồng*), bị cáo đã tự nguyện bồi thường được 5.000.000 đồng (theo Biên lai thu tiền số: AA/2020/0000074 ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên). Buộc bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho Nhà nước số tiền còn lại là: 34.656.800 đồng (*Ba mươi bốn triệu, sáu trăm lăm sáu nghìn, tám trăm đồng*).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự cho bị cáo.

6. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong khoản tiền bồi thường cho Nhà nước, nếu bị cáo không tự nguyện thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự - người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

7. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự bị cáo có quyền kháng cáo toàn bộ bản án, nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/8/2021). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ; nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát huyện DB;
- Viện kiểm sát tỉnh Điện Biên;
- HSNV Công an huyện DB;
- CQĐT Công an huyện DB;
- Nhà tạm giữ Công an huyện DB;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- UBND xã Na Ú; huyện DB;
- Chi cục Thi hành án DSHĐB;
- Tòa án tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyền

